

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Sỹ Thái-Chủ tịch Hội đồng mục vụ giáo họ Trần Xá, thị trấn Trần Cao, huyện P, tỉnh H.

Ông Trần Văn Dũng-Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Minh Tân, huyện P, tỉnh H.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/HSST-QĐ ngày 27/8/2024, đối với bị cáo:

Trần Văn C, sinh năm 1980.

Quê quán: xã Th, huyện T, tỉnh HD.

Nơi cư trú: Số 3/1022, đường L, phường HT, thành phố HD, tỉnh HD.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Đoàn Thị V; vợ: Phạm Thị H; con: có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tổng công ty M.

Địa chỉ trụ sở chính : phường S, quận L, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thân Đức V.

Chức vụ : Tổng giám đốc Tổng công ty M.

Địa chỉ: số 30 ngách 95/81 V, phường S, quận L, thành phố H.

Người được ủy quyền :

Ông Đinh Việt Th, sinh năm 1969-Có mặt.

Chức vụ: Phó trưởng phòng tổ chức-hành chính Tổng công ty M.

Địa chỉ: Tổ 8 phường P, quận L, thành phố H.

Bà Lê Nguyệt A, sinh năm 1992-Có mặt.

Chức vụ: Nhân viên phòng tổ chức-hành chính Tổng công ty M.

Địa chỉ: TĐC tổ 7, phường T, quận L, thành phố H.

Văn bản ủy quyền số 310/UQ-TCTy ngày 01/4/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Luật sư Đinh Việt Th, sinh năm 1969-Có mặt.

Luật sư văn phòng luật sư HH-Đoàn luật sư thành phố H.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Anh Đoàn Văn V1, sinh năm 1997-Vắng mặt.

Địa chỉ : thôn Tráng Liệt, xã Th, huyện T, tỉnh HD.

Ông Bùi Chính D, sinh năm 1976-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H.

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1982-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm nên cuối năm 2023, Trần Văn C, sinh năm 1980, trú tại: 3/1022, đường L, phường HT, thành phố HD, tỉnh HD nảy sinh ý định giả danh nhân viên Tổng công ty M, đến các cơ quan, tổ chức tư vấn và ký kết các hợp đồng may đo trang phục, sau đó thuê các xưởng may lại các trang phục đã được ký kết. C tự tìm hiểu rồi tự chuẩn bị các công cụ, tài liệu để làm giả con dấu và các tài liệu của Tổng công ty M có trụ sở làm việc tại phường S, quận L, thành phố H. Để thực hiện việc làm giả con dấu, tài liệu, C mua một con dấu hình chữ nhật thường dùng của các cơ quan, tổ chức tại cửa hàng (không rõ địa chỉ) bên trong chưa có hình dấu của đơn vị nào; qua mạng internet, tìm kiếm hình con dấu, tài liệu của Tổng Công ty M. Sau đó ra quán phô tô in hình dấu và tài liệu gồm: Giấy giới thiệu, thẻ giám đốc, thẻ nhân viên kinh doanh của Tổng công ty M. C dán hình dấu lên tấm cao su, sử dụng dao nhọn, loại dao dọc giấy để khắc theo hình dấu là “TỔNG CÔNG TY M”. Khắc xong mặt dấu thì cắt và dán vào vị trí mặt dấu của con dấu để sử dụng. Sau khi làm xong con dấu, C dùng con dấu đóng vào các tài liệu do C chuẩn bị gồm: Giấy giới thiệu, thẻ giám

độc, thẻ nhân viên kinh doanh. Đồng thời cho các thẻ gồm: 01 thẻ Giám đốc kinh doanh, 04 nhân viên kinh doanh (ký hiệu từ A1 đến A4) đã làm được cho vào bao đeo thẻ đã chuẩn bị từ trước, giấy giới thiệu (01 tờ). Sau đó, C bóc mặt dấu của con dấu rồi vứt bỏ mặt dấu cùng các dụng cụ đã dùng để làm giả con dấu, tài liệu đi. Mọi công đoạn từ chuẩn bị, đến các bước làm con dấu, tài liệu giả đều được C làm một mình và không ai biết. Còn đối với 01 quyển sổ màu nâu có dòng chữ: May 10 đăng cấp luôn được khẳng định và 01 thư ngỏ C khai là nhặt được.

Đến cuối tháng 3 năm 2024, C thuê Đoàn Đình V1, sinh năm 1997, trú tại: thôn Tráng Liệt, xã Th, huyện T, tỉnh HD là người làm nghề may đo trang phục để đi ghi chép số đo khi C nhận được hợp đồng. C không cho V1 biết việc C đã làm giả con dấu, các tài liệu, giấy tờ của Tổng công ty M nêu trên mà chỉ cho V1 đi theo, C giao nhiệm vụ gì thì V1 thực hiện. Qua tự tìm hiểu trên công thông tin điện tử, C chủ động lấy thông tin, liên hệ với cán bộ UBND xã T, huyện P, tỉnh H qua trao đổi C biết UBND xã T đang có nhu cầu may quần áo cho các đại biểu Hội đồng nhân dân xã, sau đó C tự tìm, liên lạc với ông Trần Văn Đ, sinh năm 1982, trú tại: thôn N, xã T, huyện P, tỉnh H là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã T, huyện P, tỉnh H để gặp với mục đích tư vấn may trang phục cho các đại biểu.

Chiều ngày 20/3/2024, Trần Văn C cùng Đoàn Đình V1 đến UBND xã T, huyện P, tỉnh H gặp, trao đổi trực tiếp với ông Đ và ông Bùi Chính D, sinh năm 1976, trú tại: thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H là Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã T, huyện P. Tại đây, C đưa giấy giới thiệu công tác được đóng dấu “TỔNG CÔNG TY M” kèm theo “thư ngỏ” (không đóng dấu). Qua trao đổi, C được ông Đ và ông D cho biết hiện Hội đồng nhân dân xã T, huyện P đang có nhu cầu cắt may trang phục cho 23 người là đại biểu Hội đồng nhân dân xã với mức chi là 2.450.000đ/01 người. Hai bên thống nhất sẽ tiến hành đo số đo cụ thể cho các đại biểu vào ngày 28/3/2024. Khi thống nhất số lượng đại biểu may đo, đo số đo xong mới làm hợp đồng, phía UBND xã T, huyện P, tỉnh H không phải tạm ứng kinh phí, sau khi nhận được sản phẩm thì mới phải thanh toán, ai không ưng ý mẫu mã, chất lượng sản phẩm thì yêu cầu làm lại. Sau khi về, vì sợ mọi người phát hiện nên C đã đốt giấy giới thiệu đi. Đến khoảng 8 giờ 30 phút ngày 28/3/2024, Trần Văn C và Đoàn Đình V1 đến UBND xã T, huyện P, tỉnh H theo lịch để tiến hành đo số đo như đã thống nhất từ trước. Trước khi vào đo, C đưa cho V1 một thẻ đeo nhân viên để V1 đeo trước ngực, còn C cũng đeo một thẻ Giám đốc kinh doanh bên trên đóng dấu tròn màu đỏ có ghi “TỔNG CÔNG TY M”. Sau khi tư vấn, giới thiệu các sản phẩm, mẫu mã chất lượng vải, hình thức, cách thức nhận hàng và thanh toán cho các đại biểu nghe, C trực tiếp đo số đo của từng người, còn V1 ghi số liệu. Trong khi C, V1 đang đo số đo thì UBND xã T, yêu cầu C và V1 tạm dừng việc đo số đo lại do nghi vấn C, V1 không phải là cán bộ, nhân viên của Tổng công ty M được cử về địa phương làm việc như C giới thiệu, đồng thời lực lượng Công an xã T, huyện P có mặt, tiến hành lập biên bản vụ việc theo quy định. Lợi dụng thời điểm này, C bỏ ra phía ngoài UBND xã T, huyện P vứt bỏ thẻ đeo của mình, sau đó mới quay lại UBND xã T, huyện

P để làm việc, Công an xã T đã tạm quản lý của C, V1: 04 thẻ nhân viên kinh doanh; 01 con dấu hình hộp chữ nhật màu đỏ không có mặt dấu (01 cán dấu hình hộp vuông màu đỏ có đóng hình dấu tròn trên đỉnh cán-ký hiệu A5; 01 hình dấu hằn trên mặt để lấy mực của cán dấu hình hộp vuông màu đỏ- ký hiệu A6); 02 cặp vải màu đen không có nhãn hiệu đã qua sử dụng bên trong có tổng số 58 quyển mẫu vải; 01 cặp màu đen không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 tập phiếu đo không có bìa có 04 tờ đã được ghi nội dung; 01 quyển sổ có bìa màu nâu mặt trước có dòng chữ: “May 10 đăng cấp luôn được khẳng định”, bên trong có 18 tờ ảnh mẫu, thư ngỏ. Toàn bộ đồ vật, tài liệu trên do Công an xã T, huyện P, tỉnh H quản lý, thu giữ và chuyển cho Cơ quan điều tra Công an huyện P.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn C tại số 3/1022 đường L, phường HT, thành phố HD, tỉnh HD. Kết quả không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Cơ quan điều tra Công an huyện P đã thu thập mẫu dấu của Tổng công ty M (ký hiệu M) và xác minh trong Công ty M, không có cán bộ, nhân viên nào tên là Trần Văn C, sinh năm 1980, Đoàn Đình V1, sinh năm 1997. Công ty cũng không cử ai về UBND xã T, huyện P, tỉnh H để làm việc.

Tại Kết luận giám định số 2446 ngày 16/5/2024 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “TỔNG CÔNG TY M” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu cần giám định ký hiệu A5, A6 do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tròn có nội dung “TỔNG CÔNG TY M” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so với hình dấu tròn có nội dung “TỔNG CÔNG TY M CÔNG TY CỔ PHẦN” trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra. Hoàn lại toàn bộ đối tượng gửi giám định. (Bút lục: 35).

01 thẻ Giám đốc kinh doanh, 01 giấy giới thiệu, C khai đã đốt và vứt đi, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không phát hiện, thu giữ được nên chỉ có căn cứ xác định bị cáo đã làm giả 01 con dấu và 04 tài liệu.

Đối với Đoàn Đình V1, quá trình điều tra xác định: V1 và C là người cùng quê nên có quen biết từ trước, cuối tháng 3 năm 2024, C rủ V1 đi làm việc cùng. Bản thân V1 là người lao động tự do, từng làm việc may đo trang phục, được C bảo V1 cùng đi làm và bảo V1 làm gì thì V1 làm đó. V1 không biết C làm giả con dấu, tài liệu cũng như không hỗ trợ gì trong việc C làm giả con dấu, tài liệu trên. Sáng ngày 28/3/2024, C cùng V1 đi đến trụ sở UBND xã T, huyện P để tiến hành đo trang phục cho cán bộ công chức xã T, lúc này C mới đưa một thẻ màu xanh- trắng cho V1, vì với V1 không xen nội dung thẻ là gì, khi đang tiến hành đo thì C và V1 được yêu cầu đến làm việc với Công an xã T, lúc này V1 mới biết thẻ C đưa cho V1 đeo là thẻ nhân viên “TỔNG CÔNG TY M”. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý về vai trò đồng phạm đối với V1.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng thu giữ, xác định: 04 thẻ nhân viên kinh doanh hiện đang quản lý tại hồ sơ vụ án; 01 con dấu hình hộp chữ nhật màu đỏ, không có mặt dấu hiện đang quản lý theo hồ sơ vụ án; 02 cặp vải màu đen không có nhãn hiệu đã qua sử dụng bên trong 02 cặp có 58 quyển mẫu vải; 01 cặp màu đen không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 tập phiếu đo không có bìa có 04 tờ đã được ghi nội dung; 01 quyển sổ có bìa màu nâu mặt trước có dòng chữ: “May 10 đăng cấp luôn được khẳng định”, bên trong có 18 tờ ảnh mẫu, hiện quản lý tại kho vật chứng Công an huyện P.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Văn C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Tổng công ty M không yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSPC ngày 05/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 21/8/2024, đại diện Tổng công ty M nộp Văn bản V/v yêu cầu bồi thường số 1001/TCty-TCHC đề ngày 20/8/2024. Nội dung văn bản này đề nghị xác định Tổng công ty M là bị hại chứ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Tổng công ty M, sụt giảm doanh thu, mất thị phần do uy tín giảm, gây nghi ngờ cho khách hàng về hàng thật, hàng giả dẫn đến sụt giảm 1% doanh thu nội địa sản phẩm veston là 466.000.000 đồng.

Thiệt hại chi phí đi lại làm việc với cơ quan chức năng 5 chuyến xe đi lại là 5.000.000 đồng.

Chi phí làm việc của 02 nhân sự tổng số là 18 ngày /người, tổng số là 15.040.386 đồng.

Tổng số thiệt hại là 486.020.386 đồng.

Căn cứ Điều 584 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tổng công ty M yêu cầu xem xét bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để đảm bảo quyền lợi cho Tổng công ty M.

Ngày 09/9/2024, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Tổng công ty M nộp một văn bản đề nghị của Văn phòng luật sư HH, nội dung văn bản đề nghị xác định Tổng công ty M là bị hại chứ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ hành vi “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” của Trần Văn C và Đoàn Văn V1. Đề nghị triệu tập bổ sung người làm chứng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khai nhận một mình bị cáo thực hiện việc làm giả con dấu, tài liệu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo có đơn trình bày bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi hai con nhỏ được địa phương xác nhận.

Tổng công ty M đề nghị: Xác định Tổng công ty M là bị hại chứ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại sụt giảm 1% doanh thu nội địa sản phẩm veston là 466.000.000 đồng, thiệt hại chi phí đi lại làm việc với cơ quan chức năng 5 chuyến xe đi lại là 5.000.000 đồng, chi phí làm việc của 02 nhân sự tổng số là 18 ngày /người, tổng số là 15.040.386 đồng, tổng số thiệt hại là 486.020.386 đồng. Về chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường về thiệt hại sụt giảm doanh thu, đại diện Tổng công ty M trình bày vẫn chưa cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Tổng công ty M nhất trí như đề nghị của Tổng công ty M. Đồng thời đề nghị: Đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ hành vi sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ giả của bị cáo và Đoàn Đình V1. Xác định lại số lượng tài liệu, giấy tờ giả mà bị cáo đã làm, sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P , tỉnh H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 và có quan điểm đề nghị: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh khó khăn, hai con còn nhỏ, vợ bị cáo là người có thành tích trong giáo dục. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Trần Văn C.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Văn C cho Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố HD, tỉnh HD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Xét hành vi, hoàn cảnh của bị cáo không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng của vụ án: 04 thẻ nhân viên kinh doanh, 01 con dấu hình hộp chữ nhật màu đỏ, không có mặt dấu hiện đang quản lý theo hồ sơ vụ án.

04 thẻ kinh doanh phô tô, 02 cặp vải màu đen không có nhãn hiệu đã qua sử dụng bên trong 02 cặp có 58 quyển mẫu vải, 01 cặp màu đen không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng, 01 tập phiếu đo không có bìa có 04 tờ đã được ghi nội dung, 01 quyển sổ có bìa màu nâu mặt trước có dòng chữ: “May 10 đăng

cấp luôn được khẳng định”, bên trong có 18 tờ ảnh mẫu là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu cho tiêu hủy.

Về yêu cầu bồi thường của Tổng công ty M: Đây là yêu cầu dân sự, công ty không cung cấp chứng cứ nên không xem xét trong vụ án này, Tổng công ty M có quyền yêu cầu trong vụ việc khác.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự.

Các vấn đề khác không xem xét.

Bị cáo nhất trí không có tranh luận gì.

Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Do không có việc làm và việc làm ăn kinh doanh khó khăn nên cuối năm 2023, Trần Văn C, sinh năm 1980, trú tại: 3/1022, đường L, phường HT, thành phố HD, tỉnh HD nảy sinh ý định giả danh nhân viên Công ty May 10- Công ty cổ phần đến các cơ quan, tổ chức tư vấn và ký kết các hợp đồng may đo trang phục, sau đó thuê các xưởng may lại các trang phục đã được ký kết. C tự tìm hiểu, tự chuẩn bị các công cụ, tài liệu để làm giả con dấu và các tài liệu của Tổng công ty M có trụ sở làm việc tại phường S, quận L, thành phố H. Để thực hiện việc làm giả con dấu, tài liệu, C mua một con dấu hình chữ nhật thường dùng của các cơ quan, tổ chức tại cửa hàng không xác định được địa chỉ, bên trong chưa có hình dấu của đơn vị nào, lên mạng internet tìm kiếm hình con dấu, tài liệu của Tổng Công ty M. Sau đó ra quán phô tô in hình dấu và tài liệu gồm: Giấy giới thiệu, thẻ giám đốc, thẻ nhân viên kinh doanh của Tổng công ty M. C dán hình dấu lên tấm cao su, sử dụng dao nhọn, loại dao dọc giấy để khắc theo hình dấu là “TỔNG CÔNG TY M” rồi cắt và dán vào vị trí mặt dấu của con dấu để sử dụng đóng vào các tài liệu do C chuẩn bị gồm: Giấy giới thiệu, thẻ giám đốc, thẻ nhân viên kinh doanh, cho thẻ Giám đốc kinh doanh, 04 thẻ nhân viên kinh doanh đã làm được vào bao đeo thẻ đã chuẩn bị từ trước rồi bóc mặt dấu của con dấu cùng các dụng cụ đã dùng để làm giả con dấu, tài liệu vứt đi.

Đến cuối tháng 3 năm 2024, C thuê Đoàn Đình V1, sinh năm 1997, trú tại: thôn Tráng Liệt, xã Th, huyện T, tỉnh HD để đi ghi chép số đo khi C nhận được hợp đồng. C không cho V1 biết việc C đã làm giả con dấu, các tài liệu, giấy tờ của Tổng công ty M mà chỉ cho V1 đi theo, C giao nhiệm vụ gì thì V1 thực hiện. Qua tự tìm hiểu trên cổng thông tin điện tử, C chủ động lấy thông tin, liên hệ với cán bộ UBND xã T, huyện P, tỉnh H qua trao đổi C biết UBND xã T đang có nhu cầu may quần áo cho các đại biểu Hội đồng nhân dân xã, C tự tìm, liên lạc với ông Trần Văn Đ là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã T, huyện P, tỉnh H để gặp với mục đích tư vấn may trang phục cho các đại biểu.

Chiều ngày 20/3/2024, Trần Văn C cùng Đoàn Đình V1 đến UBND xã T, huyện P, tỉnh H gặp, trao đổi trực tiếp với ông Đ và ông Bùi Chính D là Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã T, huyện P. Tại đây, C đưa giấy giới thiệu công tác được đóng dấu “TỔNG CÔNG TY M” kèm theo “thư ngỏ”, được ông Đ và ông D

cho biết hiện Hội đồng nhân dân xã T, huyện P đang có nhu cầu cắt may trang phục cho 23 người là đại biểu Hội đồng nhân dân xã với số tiền là 2.450.000đ/01 người. Hai bên thống nhất sẽ tiến hành đo số đo cụ thể cho các đại biểu vào ngày 28/3/2024, thống nhất số lượng đại biểu may đo, đo số đo xong mới làm hợp đồng, phía UBND xã T, huyện P, tỉnh H không phải tạm ứng kinh phí, sau khi nhận được sản phẩm thì mới phải thanh toán, ai không ưng ý mẫu mã, chất lượng sản phẩm thì yêu cầu làm lại. Khi về, vì sợ mọi người phát hiện nên C đã đốt giấy giới thiệu đi. Đến khoảng 8 giờ 30 phút ngày 28/3/2024, Trần Văn C và Đoàn Đình V1 đến UBND xã T, huyện P, tỉnh H theo lịch đề tiên hành đo số đo như đã thống nhất từ trước. Trước khi vào đo, C đưa cho V1 một thẻ đeo nhân viên để V1 đeo trước ngực, còn C cũng đeo một thẻ Giám đốc kinh doanh bên trên đóng dấu tròn màu đỏ có ghi “TỔNG CÔNG TY M”. Sau khi tư vấn, giới thiệu các sản phẩm, mẫu mã chất lượng vải, hình thức, cách thức nhận hàng và thanh toán cho các đại biểu nghe, C trực tiếp đo số đo của từng người, còn V1 ghi số liệu. Trong khi C, V1 đang đo số đo thì UBND xã T, yêu cầu C và V1 tạm dừng việc đo số đo lại do nghi vấn C, V1 không phải là cán bộ, nhân viên của Tổng công ty M được cử về địa phương làm việc như C giới thiệu, đồng thời lực lượng Công an xã T, huyện P có mặt, tiến hành lập biên bản vụ việc theo quy định. Lợi dụng thời điểm này, C bỏ ra phía ngoài UBND xã T, huyện P vứt bỏ thẻ đeo của mình, sau đó mới quay lại UBND xã T, huyện P để làm việc, Công an xã T đã quản lý của C, V1: 04 thẻ nhân viên kinh doanh (niêm phong ký hiệu từ A1 đến A4); 01 con dấu hình hộp chữ nhật màu đỏ không có mặt dấu (01 cán dấu hình hộp vuông màu đỏ có đóng hình dấu tròn trên đỉnh cán-ký hiệu A5; 01 hình dấu hằn trên mặt đế lấy mực của cán dấu hình hộp vuông màu đỏ- ký hiệu A6); 02 cặp vải màu đen không có nhãn hiệu đã qua sử dụng bên trong có tổng số 58 quyển mẫu vải; 01 cặp màu đen không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 tập phiếu đo không có bìa có 04 tờ đã được ghi nội dung; 01 quyển sổ có bìa màu nâu mặt trước có dòng chữ: “May 10 đăng cấp luôn được khẳng định”, bên trong có 18 tờ ảnh mẫu, thư ngỏ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn C tại số 3/1022 đường L, phường HT, thành phố HD, tỉnh HD. Kết quả không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Cơ quan điều tra Công an huyện P đã thu thập mẫu dấu của Tổng công ty M (ký hiệu M). Kết quả xác minh, Công ty M cung cấp không có cán bộ, nhân viên nào tên là Trần Văn C và Đoàn Đình V1. Công ty cũng không cử ai về UBND xã T, huyện P, tỉnh H để làm việc.

Tại Kết luận giám định số 2446 ngày 16/5/2024 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “TỔNG CÔNG TY M” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu cần giám định ký hiệu A5, A6 do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tròn có nội dung “TỔNG CÔNG TY M” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so với hình dấu tròn có nội dung “TỔNG CÔNG TY M

CÔNG TY CỔ PHẦN” trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra. Hoàn lại toàn bộ đối tượng gửi giám định.

Bị cáo đã trực tiếp làm giả con dấu, sử dụng con dấu giả để đóng lên các tài liệu do bị cáo đã làm giả là các thẻ nhân viên Tổng công ty M, sử dụng con dấu, tài liệu này nhằm mục đích giả làm nhân viên của Tổng công ty M để đi tư vấn, làm hợp đồng may đo trang phục tại các cơ quan, tổ chức thì bị phát hiện. Căn cứ các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, của người làm chứng, người liên quan thì có căn cứ xác định bị cáo đã làm giả 01 con dấu và 04 tài liệu là 04 thẻ nhân viên của Tổng công ty M.

[2]. Cơ quan điều tra công an huyện P, tỉnh H, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật không có vi phạm gì.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Với hành vi phạm tội, tính chất của hành vi phạm tội, số lượng con dấu giả, tài liệu giả mà bị cáo đã làm, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H đã truy tố bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng pháp luật. Bị cáo là người không bị hạn chế năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo là người có thành tích trong sự nghiệp giáo dục, lần đầu phạm tội. Do vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng do vậy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội để bị cáo có cơ hội cải tạo, đồng thời thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không phạt bổ sung với bị cáo.

Vì vậy quan điểm đề nghị về hình phạt của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H đối với bị cáo là phù hợp, cần chấp nhận.

[4]. Đoàn Đình V1 không biết C làm giả con dấu, tài liệu cũng như không hỗ trợ gì trong việc C làm giả con dấu, tài liệu nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý V1 là phù hợp.

[5]. Theo Giấy yêu cầu Luật sư ngày 26/8/2024 của Tổng công ty M thì người được Tổng công ty M nhờ làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là Luật sư Đinh Việt Th và đã được Tòa án vào sổ đăng ký số 05 ngày 26/8/2024. Căn cứ theo quy định tại Điều 84 của Bộ luật tố tụng hình sự thì xác định luật sư Đinh Việt Th vừa là người đại diện, vừa là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Tổng công ty M. Hội đồng xét xử chỉ xem xét theo yêu cầu của đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty M.

[6]. Về yêu cầu xác định lại tư cách tham gia tổ tụng của Tổng công ty M: Hành vi của bị cáo xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác nên Hội đồng xét xử xác định Tổng công ty M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về yêu cầu bồi thường của Tổng công ty M: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Tổng công ty M không có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại giai đoạn xét xử và tại phiên tòa, Tổng công ty M mới có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, uy tín, chi phí đi lại nhưng cung cấp không đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Yêu cầu bồi thường không liên quan đến cấu thành tội phạm, không liên quan đến việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu bồi thường của Tổng công ty M trong vụ án này. Nếu sau này Tổng công ty M có yêu cầu thì có quyền yêu cầu bằng vụ, việc khác.

[7]. Về vật chứng: 04 thẻ nhân viên kinh doanh, 01 con dấu hình hộp chữ nhật màu đỏ, không có mặt dấu là chứng cứ của vụ án nên sẽ quản lý tại hồ sơ vụ án.

04 thẻ nhân viên kinh doanh (bản phô tô), 02 cặp vải màu đen, bên trong có 58 quyển mẫu vải, 01 cặp màu đen không có nhãn hiệu, 01 tập phiếu đo không có bìa có 04 tờ đã được ghi nội dung, 01 quyển sổ có bìa màu nâu mặt trước có dòng chữ: “May 10 đăng cấp luôn được khẳng định”, bên trong có 18 tờ ảnh mẫu là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu cho tiêu hủy.

[8]. Các vấn đề khác hội đồng xét xử không xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Trần Văn C.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn C cho Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố HD, tỉnh HD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Không phạt hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này Công ty M có yêu cầu thì có quyền yêu cầu bằng vụ, việc khác.

Về vật chứng: Quản lý tại hồ sơ vụ án 04 thẻ nhân viên kinh doanh, 01 con dấu hình hộp chữ nhật màu đỏ, không có mặt dấu (Hiện đang quản lý theo hồ sơ vụ án).

Tịch thu cho tiêu hủy: 04 thẻ nhân viên kinh doanh (bản phô tô), 02 cặp vải màu đen không có nhãn hiệu đã qua sử dụng bên trong 02 cặp có 58 quyển mẫu vải, 01 cặp màu đen không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng, 01 tập phiếu đo không có bìa có 04 tờ đã được ghi nội dung, 01 quyển sổ có bìa màu nâu mặt trước có dòng chữ: “May 10 đăng cấp luôn được khẳng định”, bên trong có 18 tờ ảnh mẫu.

Số vật chứng này thể hiện theo Biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 07/8/2024 và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

Về án phí: Áp dụng Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND huyện P, tỉnh H;
- Công an huyện P;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện P;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn